

Họ và tên: Lớp:

TOÁN 4 – BÀI 15: LÀM QUEN VỚI DÃY TỰ NHIÊN

Bài 1. Điền Đ vào chỗ trống nếu nhận định đúng, điền S nếu nhận định sai.

- a) ... Dãy số 5; 6; 7; 8; 9; 10; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.
- b) ... Dãy số 0; 2; 1; 3; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.
- c) ... Dãy số 0; 1; 2; 3; 4; 5; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.
- d) ... Dãy số 0; 1; 2; 3; 5; 6; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.

Bài 2. Điền số còn thiếu trong mỗi dãy số tự nhiên liên tiếp.

- a) 219 925 975; 219 925 976; 219 925 977;; 219 925 979
- b); 492 467 828; 492 467 829; 492 467 830
- c) 679 810 224; 679 810 225; 679 810 226;
- d) 794 689 309; 794 689 310;; 794 689 312; 794 689 313

Bài 3. Điền số liền trước của mỗi số sau.

- a) Số liền trước của 742 218 539 là
- b) Số liền trước của 90 là
- c) Số liền trước của 84 764 637 là
- d) Số liền trước của 10 là
- e) Số liền trước của 390 là
- f) Số liền trước của 109 452 930 là
- g) Số liền trước của 891 836 là
- h) Số liền trước của 7 là

Bài 4. Tìm số liền sau của các số sau.

- a) Số liền sau của 999 999 998 là
- b) Số liền sau của 4234 là
- c) Số liền sau của 5244 là
- d) Số liền sau của 223 150 749 là

Bài 5. Sắp xếp các số trong mỗi ý theo thứ tự từ bé đến lớn.

- a) Cho các số 259 195; 398 166; 116 870. Sắp xếp từ bé đến lớn:
.....
- b) Cho các số 70; 9; 136. Sắp xếp từ bé đến lớn:
.....
- c) Cho các số 468 017 613; 19 978 012; 291 755 047. Sắp xếp từ bé đến lớn:
.....
- d) Cho các số 168 595; 264 881; 56 016. Sắp xếp từ bé đến lớn:
.....

Bài 6. Với mỗi nhóm số dưới đây, hãy điền số đứng đầu khi sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé.

a) Các số: 178; 3561; 28 241; 57 038. Số đứng đầu là

b) Các số: 180 489 267; 205 990 531; 63 356 003; 26 479 035. Số đứng đầu là

c) Các số: 6995; 18 933; 31 216; 5017. Số đứng đầu là

d) Các số: 21 296 513; 50 159 106; 67 307 317; 44 136 962. Số đứng đầu là

Bài 7. Điền số còn thiếu vào các dãy số chẵn liên tiếp giảm dần.

a) 74 350;; 74 346; 74 344; 74 342; 74 340

b) 17 682;; 17 678; 17 676; 17 674

c) 73 646;; 73 642; 73 640

d) 96 336;; 96 332; 96 330; 96 328; 96 326

Bài 8. Điền số ở vị trí được hỏi trong dãy số chẵn liên tiếp.

a) Dãy số chẵn liên tiếp bắt đầu từ 22 412. Số ở vị trí thứ 9 là

b) Dãy số chẵn liên tiếp bắt đầu từ 82 240. Số ở vị trí thứ 8 là

c) Dãy số chẵn liên tiếp bắt đầu từ 82 964. Số ở vị trí thứ 8 là

d) Dãy số chẵn liên tiếp bắt đầu từ 38 776. Số ở vị trí thứ 3 là

Bài 9. Điền số thích hợp để được ba số tự nhiên liên tiếp.

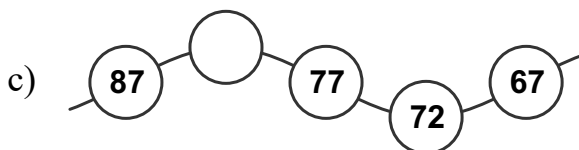
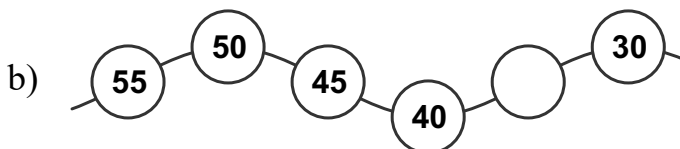
a) 225 798 696;; 225 798 698

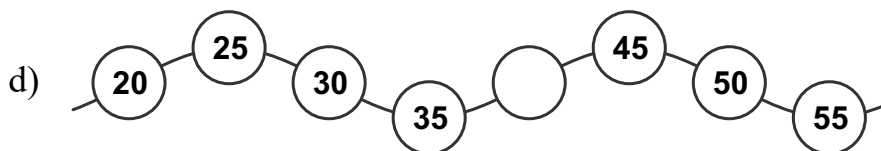
b); 150 647 772; 150 647 773

c); 537 499 397;

d) 89 793 724;;

Bài 10. Quan sát mỗi chuỗi ô số và điền số còn thiếu.





Bài 11. Điền số ở vị trí được hỏi trong mỗi dãy số lẻ liên tiếp.

- a) Dãy số lẻ liên tiếp bắt đầu từ 88 451. Số ở vị trí thứ 5 là
- b) Dãy số lẻ liên tiếp bắt đầu từ 17 975. Số ở vị trí thứ 5 là
- c) Dãy số lẻ liên tiếp bắt đầu từ 23 151. Số ở vị trí thứ 5 là
- d) Dãy số lẻ liên tiếp bắt đầu từ 51 835. Số ở vị trí thứ 3 là

Bài 12. Điền số tiếp theo vào mỗi dãy số lẻ liên tiếp.

- a) 18 747; 18 749; 18 751; 18 753;
- b) 68 077; 68 079; 68 081; 68 083;
- c) 63 617; 63 619;
- d) 16 001; 16 003; 16 005; 16 007;
- e) 39 947; 39 949; 39 951; 39 953;
- f) 30 351; 30 353;
- g) 5077; 5079; 5081; 5083;
- h) 19 249; 19 251;

Bài 13. Điền Đ vào chỗ trống nếu nhận định đúng, điền S nếu nhận định sai.

- a) ... Dãy số 0; 1; 2; 3; 5; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.
- b) ... Dãy số 0; 1; 2; 3; 4; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.
- c) ... Dãy số 0; 2; 1; 3; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.
- d) ... Dãy số 3; 4; 5; 6; 7; ... là dãy số tự nhiên đầy đủ.